

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04/2020/DS-ST**
Ngày: 02/6/2020
V/v: Tranh chấp về hợp đồng dân sự
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Khanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý A Hợi, bà Đoàn Thị Quế

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Minh Thắng; Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2019/TLST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST-DS ngày 22/4/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Trần Ngọc H**; sinh năm: 1990; địa chỉ: Số nhà xx, tổ zz, phường B, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông **Trần Tr**; sinh năm: 1971; địa chỉ: Số nhà vv, tổ D, phường B, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02/12/2019 và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã thể hiện các ý kiến của nguyên đơn:

Ngày 02/10/2018 anh Trần Ngọc H có cho ông Trần Tr vay số tiền 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*), hai bên đã xác lập bằng văn bản là Hợp đồng vay tiền cá nhân. Theo quy định tại Điều 6 của Hợp đồng này thì "Mức lãi suất theo thỏa thuận của các bên dựa trên quy định của hệ thống pháp luật Việt nam tại thời điểm cho vay". Tại Điều 4 ấn định thời hạn vay từ ngày 02/10/2018 đến ngày 02/11/2018. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn không đưa ra được các tài liệu, chứng cứ thể hiện việc nguyên đơn và bị đơn đã thể hiện được mức lãi suất cụ thể.

Đến ngày hẹn trả nợ ông Tr không trả số tiền vay trên cho anh H, vì vậy ngày 09/12/2019 anh H nộp đơn khởi kiện ông Tr ra Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên để yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Tr phải trả cho

anh H số tiền gốc là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) và số tiền lãi của số tiền gốc trên tính từ ngày 02/6/2019 đến ngày 02/12/2019 là 100.000.000đ x 0,083%/01 tháng x 06 tháng = 4.980.000đ (bốn triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng). Tổng số tiền cả gốc và lãi anh H yêu cầu ông Tr phải trả là 104.980.000đ (một trăm không bốn triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng).

Ngày 16/4/2020 anh Trần Ngọc H đã nộp cho Tòa án Giấy hẹn đến ngày 30/5/2019; Bản tự khai và bản chứng thực Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH27426. Tại bản tự khai ngày 16/4/2020 anh H chỉ chấp nhận ông Tr đã trả cho anh H số tiền vào tài khoản 02 lần vào ngày 30/5/2019 là 2.250.000đ và ngày 25/6/2019 là 2.000.000đ. Anh H không chấp nhận 05 lần trả tiền trước ngày 30/5/2019 vào tài khoản của anh H và số tiền 4.500.000đ ông Tr khai trả bằng tiền mặt gửi quán gần nhà để trả cho anh H. Tổng số tiền anh H chấp nhận ông Tr đã trả 02 lần là 4.250.000đ (bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Tại bản tự khai ngày 16/4/2020 và tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 17/4/2020 anh H yêu cầu ông Tr phải trả số tiền gốc là 95.000.000đ và số tiền lãi quá hạn của số tiền gốc trên tính đến ngày 02/12/2019 là 11.600.000đ; tổng số tiền cả gốc và lãi là 106.600.000đ (một trăm không sáu triệu, sáu trăm nghìn đồng) và số tiền lãi quá hạn tính từ ngày 03/12/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Trong các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã thể hiện các ý kiến của bị đơn:

Ngày 09/3/2020 ông Trần Tr đã nộp trực tiếp cho Tòa án Sở phụ của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh tỉnh Điện Biên và ý kiến về số tiền vay của anh H và số tiền đã trả cho anh H.

Ông Trần Tr thừa nhận có vay của anh Trần Ngọc H số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) và đã trả vào tài khoản số 3601000097723 của anh H tại Ngân hàng đầu tư vào các ngày 25/01/2019 là 4.500.000đ; ngày 16/4/2019 là 3.000.000đ; ngày 24/4/2019 là 2.500.000đ; ngày 06/5/2019 là 900.000đ; ngày 22/5/2019 là 5.000.000đ; ngày 30/5/2019 là 2.250.000đ và ngày 25/6/2019 là 2.000.000đ. Số tiền ông Tr đã trả cho anh H qua tài khoản của Ngân hàng 07 lần là 20.150.000đ (hai mươi triệu một trăm năm mươi nghìn đồng); và 1 lần trả tiền mặt gửi quán gần nhà để trả cho anh H là 4.500.000đ. Tổng số tiền ông Tr đã trả cho anh H là 24.650.000đ (hai mươi bốn triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản giữa: Nguyên đơn anh Trần Ngọc H và bị đơn ông Trần Tr thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên được quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Trần Tr đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Nhưng ông Tr không đến tham gia phiên họp cũng như phiên tòa mà không có lý do. Để đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa lần thứ nhất và ấn định mở lại phiên tòa lần thứ hai vào ngày 02/6/2020. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Trần Tr tiếp tục vắng mặt mà không có lý do; xét thấy sự vắng mặt của ông Tr không ảnh hưởng đến việc xét xử, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Tr theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hai lần, vào các ngày 10/2/2020 và ngày 17/4/2020, nhưng ông Tr đều vắng mặt không có lý do, cho nên hai bên đương sự không thống nhất được số tiền lãi và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ các nội dung của vụ án. Ông Trần Tr đã cung cấp sổ phụ và có ý kiến thừa nhận đã vay của anh H số tiền 100.000.000đ vào ngày 02/10/2018 với thời hạn 01 tháng cho đến ngày 02/11/2018 và đã trả cho anh H tổng số tiền là 24.650.000đ (hai mươi bốn triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng). Ông Tr không có yêu cầu phản tố, không có ý kiến gì khác. Anh H đã sửa đổi yêu cầu khởi kiện của mình từ yêu cầu ông Trần Tr trả 100.000.000đ tiền gốc và tiền lãi của 06 tháng là 4.980.000đ thành tiền gốc là 95.000.000đ và số tiền lãi chậm trả của số tiền gốc trên tính đến ngày 02/12/2019 là 11.600.000đ; tổng số tiền cả gốc và lãi là 106.600.000đ (một trăm không sáu triệu, sáu trăm nghìn) và số tiền lãi quá hạn tính từ ngày 03/12/2019 cho đến nay. Việc sửa đổi yêu cầu khởi kiện của anh H không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu và trong thời hạn luật định.

[2] Về nội dung:

Theo Hợp đồng vay tiền cá nhân đề ngày 02/10/2018 anh Trần Ngọc H có cho ông Trần Tr vay số tiền gốc là 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*); lãi suất vay hai bên thỏa thuận theo quy định của pháp luật, thời hạn vay là 01 tháng tính đến ngày 02/11/2018. Nhưng đến ngày hạn trả nợ ông Tr không trả được cho anh H số tiền trên. Anh H và ông Tr cũng không cung cấp hay thể hiện được lãi suất thỏa thuận vay cụ thể của số tiền trên. Do vậy, cần xem xét việc tính lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngày 09/12/2019 anh H nộp Đơn khởi kiện ông Tr để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên giải quyết và buộc ông Tr phải trả cho anh số tiền gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 02/6/2019 đến ngày 02/12/2019 là $100.000.000đ \times 0,083\%/01 \text{ tháng} \times 06 \text{ tháng} = 4.980.000đ$. Tổng số tiền anh H yêu cầu ông Tr trả là 104.980.000đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Tr thừa nhận có vay của anh H số tiền 100.000.000 đồng và đã trả cho anh H 08 lần với tổng số tiền là 24.650.000đ. Anh H chỉ chấp nhận ông Tr đã trả cho mình 02 lần tiền vào các ngày ngày 30/5/2019 trả 2.250.000đ và ngày 25/6/2019 trả 2.000.000đ; tổng cộng 4.250.000đ.

- Tại phiên tòa anh H khai nhận: ngoài số tiền 100 triệu, ông Tr còn vay thêm của anh H 20 triệu đồng vào tháng 12/2018 và 5 lần ông Tr trả tiền qua tài khoản là trả cho khoản vay 20 triệu, hai bên đã thanh toán xong và đã hủy giấy vay tiền. Do vậy, anh H không chấp nhận 5 lần trả tiền của ông Tr cho khoản vay 100 triệu, nhưng anh H không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho việc ông Tr có vay thêm của anh H số tiền 20 triệu, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ bác bỏ số tiền 5 lần ông Tr đã trả cho anh H.

- Tại bản khai ngày 09/3/2020 ông Tr khai và chứng minh đã trả cho anh H 07 lần tiền qua số tài khoản của anh H tại Ngân hàng vào các ngày 25/01/2019 trả 4.500.000đ; ngày 16/4/2019 trả 3.000.000đ; ngày 24/4/2019 trả 2.500.000đ; ngày 06/5/2019 trả 900.000đ; ngày 22/5/2019 trả 5.000.000đ; ngày 30/5/2019 trả 2.250.000đ; ngày 25/6/2020 trả 2.000.000đ. Tổng số tiền ông Tr đã trả cho anh H qua số tài khoản là 20.150.000đ sau ngày vay tiền (ngày 02/10/2018) là có căn cứ cần chấp nhận.

Về số tiền 4.500.000đ ông Tr khai đã trả cho anh H bằng tiền mặt gửi cho chủ quán gần nhà, nhưng không rõ thời gian, họ tên, địa chỉ người nhận trả hộ; không có ý kiến của người nhận hộ thể hiện đã đưa tiền cho anh H hay chưa, anh H không thừa nhận số tiền này; hiện tại không có tài liệu nào để chứng minh cho lời khai của ông Tr là có căn cứ. Do vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu này của ông Tr; trong trường hợp ông Tr chứng minh được số tiền 4.500.000đ đã đưa cho chủ quán gần nhà nhận trả hộ thì có thể yêu cầu người đó trả lại tiền cho ông Tr hoặc có thể khởi kiện ra Tòa án có thẩm quyền xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật bằng một vụ án khác (nếu có yêu cầu).

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện và sửa chữa yêu cầu khởi kiện bổ sung của anh H và chấp nhận một phần ý kiến của ông Tr về số tiền 20.150.000đ (*hai mươi triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*) đã trả cho anh H. Buộc ông Trần Tr phải có nghĩa vụ trả cho anh Trần Ngọc H số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả của số tiền gốc tại các thời điểm như sau:

*** Đối với lãi suất chậm trả của số tiền 100.000.000 đồng: Theo quy định về lãi suất tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015**

"1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ."

Do các bên đương sự không thỏa thuận được lãi suất. Như vậy, mức lãi suất chậm trả được tính là $10\%/năm = 0,83\%/tháng = 0,027\%/ngày$ thì:

- Ngày ông Trần Tr có nghĩa vụ phải trả tiền lãi cho anh Trần Ngọc H là ngày 02/11/2018. Ngày tính tiền lãi chậm trả của ông Tr từ ngày 03/11/2018 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, ngày 02/6/2020.

+ Ngày 25/01/2019 ông Tr trả cho anh H số tiền là 4.500.000đ.

- Tiền lãi chậm trả từ ngày 03/11/2018 đến ngày 24/01/2019 là 81 ngày: $100.000.000 \text{ đồng} \times 0,027\%/01 \text{ ngày} \times 81 \text{ ngày} = \mathbf{2.187.000\text{đ}}$. Như vậy, đối trừ số tiền ông Tr đã trả lãi ($4.500.000\text{đ} - 2.187.000\text{đ} = 2.313.000\text{đ}$) còn lại trừ đi số tiền gốc ($100.000.000\text{đ} - 2.313.000\text{đ} = 97.687.000\text{đ}$ "nợ gốc").

+ Ngày 16/4/2019 ông Tr trả cho anh H số tiền là 3.000.000đ.

- Tiền lãi chậm trả từ ngày 25/01/2019 đến ngày 15/4/2019 là 81 ngày. $97.687.000\text{đ} \times 0,027\%/01 \text{ ngày} \times 81 \text{ ngày} = \mathbf{2.136.000\text{đ}}$. Như vậy, đối trừ số tiền ông Tr đã trả lãi ($3.000.000\text{đ} - 2.136.000\text{đ} = 864.000\text{đ}$) còn lại trừ đi số tiền gốc ($97.714.000\text{đ} - 864.000\text{đ} = 96.850.000\text{đ}$ "nợ gốc").

+ Ngày 24/4/2019 ông Tr đã trả cho anh H số tiền là 2.500.000đ.

- Tiền lãi chậm trả từ ngày 16/4/2019 đến ngày 23/4/2019 là 08 ngày. $96.850.000\text{đ}$ "nợ gốc" $\times 0,027\%/01 \text{ ngày} \times 08 \text{ ngày} = \mathbf{209.000\text{đ}}$. Như vậy, đối trừ số tiền ông Tr đã trả lãi ($2.500.000\text{đ} - 209.000\text{đ} = 2.291.000\text{đ}$) còn lại trừ đi số tiền gốc ($96.850.000\text{đ} - 2.291.000\text{đ} = 94.559.000\text{đ}$ "nợ gốc").

+ Ngày 06/5/2019 ông Tr đã trả cho anh H số tiền là 900.000đ.

- Tiền lãi chậm trả từ ngày 24/4/2019 đến ngày 05/5/2019 là 12 ngày. $94.559.000\text{đ} \times 0,027\%/01 \text{ ngày} \times 12 \text{ ngày} = \mathbf{306.000\text{đ}}$. Như vậy, đối trừ số tiền ông Tr đã trả lãi ($900.000\text{đ} - 306.000\text{đ} = 594.000\text{đ}$) còn lại trừ đi số tiền gốc ($94.559.000\text{đ} - 594.000\text{đ} = 93.965.000\text{đ}$ "nợ gốc").

+ Ngày 22/5/2019 ông Tr đã trả cho anh H số tiền là 5.000.000đ.

- Tiền lãi chậm trả từ ngày 06/5/2019 đến ngày 21/5/2019 là 16 ngày. $93.965.000\text{đ} \times 0,027\%/01 \text{ ngày} \times 16 \text{ ngày} = \mathbf{405.000\text{đ}}$. Như vậy, đối trừ số tiền ông Tr đã trả lãi ($5.000.000\text{đ} - 405.000\text{đ} = 4.595.000\text{đ}$) còn lại trừ đi số tiền gốc ($93.965.000\text{đ} - 4.595.000\text{đ} = 89.370.000\text{đ}$ "nợ gốc").

+ Ngày 30/5/2019 ông Tr đã trả cho anh H số tiền là 2.500.000đ.

- Tiền lãi chậm trả từ ngày 22/5/2019 đến ngày 29/5/2019 là 08 ngày. $89.370.000\text{đ} \times 0,027\%/01 \text{ ngày} \times 08 \text{ ngày} = \mathbf{193.000\text{đ}}$. Như vậy, đối trừ số tiền ông Tr đã trả lãi ($2.500.000\text{đ} - 193.000\text{đ} = 2.307.000\text{đ}$) còn lại trừ đi số tiền gốc ($89.370.000\text{đ} - 2.307.000\text{đ} = 87.063.000\text{đ}$ "nợ gốc").

+ Ngày 25/6/2019 ông Tr đã trả cho anh H số tiền là 2.000.000đ.

- Tiền lãi chậm trả từ ngày 30/5/2019 đến ngày 24/6/2019 là 26 ngày. $87.063.000\text{đ} \times 0,027\%/01 \text{ ngày} \times 26 \text{ ngày} = \mathbf{610.000\text{đ}}$. Như vậy, đối trừ số tiền ông Tr đã trả lãi ($2.000.000\text{đ} - 610.000\text{đ} = 1.390.000\text{đ}$) còn lại trừ đi số tiền gốc ($87.063.000\text{đ} - 1.390.000\text{đ} = 85.673.000$ "nợ gốc").

-> Tiền lãi chậm trả tính từ ngày 25/6/2019 đến ngày 02/6/2020 là 338 ngày $(85.673.000 \times 0,027\%/01 \text{ ngày} \times 344 \text{ ngày}) = \mathbf{7.818.000đ}$.

Tổng số tiền cả gốc và lãi chậm trả ông Trần Tr có nghĩa vụ phải trả cho anh Trần Ngọc H theo quy định của pháp luật đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 02/6/2020 là: $7.818.000đ$ (lãi) + $85.673.000đ$ "nợ gốc" = **93.491.000đ** (*chín mươi ba triệu bốn trăm chín mươi một nghìn đồng*).

- Số tiền nợ gốc theo yêu cầu khởi kiện của anh H không được Hội đồng xét xử chấp nhận là $(95.000.000đ - 85.673.000đ) = 9.327.000đ$.

[3] **Về án phí:** Căn cứ khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Yêu cầu khởi kiện của anh Trần Ngọc H được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần, nên anh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch phần được Hội đồng xét xử chấp nhận. Anh H phải chịu án phí phần tiền nợ gốc không được Hội đồng xét xử chấp nhận là $9.327.000đ \times 5\% = \mathbf{466.000đ}$ (*bốn trăm sáu mươi sáu nghìn đồng*).

Ông Trần Tr phải chịu tiền án phí dân sự có giá ngạch là $(93.491.000đ \times 5\%) = \mathbf{4.674.000}$ đồng (*bốn triệu sáu trăm bảy mươi bốn nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, 463, 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 1, 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Trần Ngọc H.

2. Buộc ông Trần Tr phải trả cho anh Trần Ngọc H số tiền nợ gốc là $85.673.000đ$ và số tiền tiền lãi chậm trả của số tiền gốc trên tính đến ngày 02/6/2020 là $7.818.000đ$. Tổng số tiền gốc và lãi chậm trả ông Trần Tr phải trả cho anh Trần Ngọc H là **93.491.000đ** (*chín mươi ba triệu bốn trăm chín mươi một nghìn đồng*).

3. Về án phí: Buộc ông Trần Tr phải nộp $4.674.000$ đồng (*bốn triệu sáu trăm bảy mươi bốn nghìn*) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Anh Trần Ngọc H phải nộp 466.000 đồng (*bốn trăm sáu mươi sáu nghìn*), tiền án phí dân sự có giá ngạch.

Trả lại cho anh Trần Ngọc H $2.158.500đ$ (*hai triệu một trăm năm mươi tám nghìn năm trăm đồng*), tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp tại Chi cục Thi

hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2010/09394 ngày 09/12/2019.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bên được thi hành án dân sự, bên phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án anh Trần Ngọc H cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án ông Trần Tr còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án chính theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Điện Biên;
- Viện kiểm sát ND tỉnh;
- Viện kiểm sát ND thành phố ĐBP;
- Chi cục Thi hành án DS thành phố ĐBP;
- Đương sự;
- Lưu VP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Văn Khanh